

Hợp đồng tín dụng hạn mức ("Hợp đồng") này được lập ngày 01 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Ngân hàng TCMP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long, số 53-53A Võ Văn Tần, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, giữa các bên sau đây:

A. Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 0100150619;

Sở chính: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam;

Đơn vị trực tiếp quản lý khách hàng: Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long;

Địa chỉ: Số 53-53A Võ Văn Tần, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam;

- Điện thoại: 0292 3668861;

Fax: 0292 3668862

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 0100150619-137 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 24/4/2014, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 06/12/2021.

- Người đại diện: Ông **Đỗ Phương Kiên**; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

(Trong Hợp đồng này, "**Bên cấp tín dụng**" hoặc "**Ngân hàng**" có nghĩa là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), trong đó Đơn vị đại diện quản lý khách hàng, trực tiếp ký Hợp đồng và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Bên cấp tín dụng theo Hợp đồng này là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (BIDV ĐBSCL))

B. Bên được cấp tín dụng (tùy từng trường hợp là Bên vay/Bên được bảo lãnh/Bên đề nghị mở L/C): CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi là "Khách hàng")

- Địa chỉ: Lô 2-12, KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, Việt Nam;

- Điện thoại: 0292 3841289;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800632306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 22/10/2020;

- Số Tài khoản tiền gửi tại BIDV ĐBSCL;

+ Tài khoản VND: 7450000559;

+ Tài khoản USD: 7450000599;

- Người đại diện: Ông **Võ Đông Đức**;

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng này (bao gồm Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng) với các điều khoản sau:

1. Hạn mức cấp tín dụng:

a) Ngân hàng cấp cho Khách hàng hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là **360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng)** gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn của Khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2023/5398470/HĐTD ngày 03/7/2023 sang.

b) Mục đích: Cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động, chiết khấu, phát hành bảo lãnh, mở LC phục vụ hoạt động kinh doanh.

c) Hạn mức tín dụng nêu tại Điểm a) trên đây là hạn mức cho vay, bảo lãnh và phát hành L/C cộng gộp, không phân định hạn mức cho vay, hạn mức bảo lãnh và hạn mức phát hành L/C riêng. Trường hợp tăng mức dư nợ cho vay thì giảm mức cam kết bảo lãnh và/hoặc mức L/C và ngược lại, bảo đảm tại mọi thời điểm tổng dư nợ vay và số dư bảo lãnh của Khách hàng, số dư mở L/C (trừ phần ký quỹ) không vượt quá hạn mức tối đa tại Điểm a) nêu trên.

2. Thời hạn:

a) Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng hạn mức đến hết ngày 30/6/2025. Trong thời hạn cấp hạn mức, Khách hàng được đề nghị Ngân hàng cấp tín dụng với các mục đích và trong hạn mức tại Mục 1 nêu trên. Trường hợp ngày kết thúc thời hạn cấp hạn mức là ngày nghỉ, các bên thỏa thuận và thống nhất Khách hàng được đề nghị Ngân hàng cấp tín dụng theo Hợp đồng này chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo ngày kết thúc thời hạn.

b) Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.

3. Biện pháp bảo đảm:

Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo Hợp đồng này, các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ hoặc các hợp đồng, thỏa thuận khác (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết giữa Ngân hàng và Khách hàng/Bên thứ ba trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký kết Hợp đồng này mà Điều khoản về Phạm vi bảo đảm của Hợp đồng bảo đảm bao gồm (một cách cụ thể hoặc bao quát) các nghĩa vụ phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này. Trường hợp bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba thì Hợp đồng bảo đảm không bắt buộc phải có sự tham gia ký kết của Khách hàng.

4. Tính thống nhất với Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng:

Các nội dung tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng hạn mức này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này. Khách hàng đã đọc, hiểu và chấp thuận tuân thủ đầy đủ các nội dung tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng cũng như các sửa đổi, bổ sung thay thế.

5. Luật áp dụng, giải quyết tranh chấp:

a) Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

b) Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình vay vốn được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa hai bên. Trường hợp không thương lượng được, các bên có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình. Hai bên thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

6. Hiệu lực của Hợp đồng:

a) Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và kết thúc khi:

(i) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt; hoặc

(ii) Theo các quy định tại Hợp đồng này và Khách hàng đã thanh toán đầy đủ và toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này, đồng thời thời hạn cấp hạn mức tại Mục 2 đã hết. Kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2023/5398470/HĐTD ngày 03/7/2023 hết hiệu lực giải ngân.

b) Hợp đồng này có giá trị pháp lý ràng buộc đối với tất cả cá nhân, pháp nhân, tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên theo quy định của pháp luật, thỏa thuận với Ngân hàng và/hoặc quy định nội bộ của Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn chia, tách Phòng Giao dịch, chia, tách Chi nhánh, thay đổi Chi nhánh/Phòng giao dịch quản lý khách hàng...).

c) Các văn bản, tài liệu liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.

d) Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Hợp đồng này phải được cả hai bên thoả thuận bằng văn bản do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký (trừ trường hợp thay đổi lãi suất). Những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các nội dung tương ứng trong Hợp đồng này.

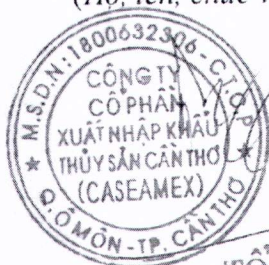
e) Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho một hoặc một số nội dung quy định tại Hợp đồng này không thực hiện được hoặc vô hiệu thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực đối với những nội dung còn lại. Ngân hàng và Khách hàng sẽ cùng xem xét, sửa đổi, bổ sung những nội dung không thực hiện được hoặc vô hiệu cho phù hợp.

f) Hợp đồng này và bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng được lập thành 03 bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau: Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản. Các bên xác nhận rằng đã đọc, đã hiểu, đồng ý và thống nhất toàn bộ nội dung Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, cùng ký Hợp đồng làm căn cứ thực hiện.

* Khách hàng xác nhận trước khi ký Hợp đồng này, Khách hàng đã nhận được đầy đủ thông tin về lãi suất cho vay, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả, phương pháp tính lãi tiền vay, loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay, các tiêu chí xác định khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay và các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ nội dung Hợp đồng này.

* Khách hàng xác nhận trước khi ký Hợp đồng này, Khách hàng đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin về Hợp đồng theo mẫu, điều khoản và điều kiện cho vay.

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG
(Họ, tên, chức vụ, ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Võ Đông Đức

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG
(Họ, tên, chức vụ, ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Phương Kiên

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. **Cấp tín dụng theo hạn mức:** là hình thức cấp tín dụng mà Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận và xác định một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Hạn mức tín dụng này bao gồm mức cho vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Trong khoảng thời gian đó, tổng dư nợ vay, bảo lãnh và L/C tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức tín dụng được cấp. Tùy theo nhu cầu của Khách hàng, khi phát sinh quan hệ cho vay, bảo lãnh, L/C, Khách hàng cam kết tuân thủ các quy định liên quan, tương ứng tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng.

2. **Cam kết bảo lãnh:** Là văn bản của Ngân hàng hoặc thỏa thuận giữa Ngân hàng với Bên nhận bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Khách hàng khi Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên nhận bảo lãnh, bao gồm Thư bảo lãnh hoặc Hợp đồng bảo lãnh.

3. **Tài khoản tiền gửi:** Là tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các tài khoản tiền gửi khác.

Điều 2. Các quy định liên quan đến việc phát hành bảo lãnh/L/C

1. Nguyên tắc phát hành L/C:

a) Trường hợp Khách hàng có nhu cầu phát hành L/C, Khách hàng gửi Đơn đề nghị phát hành L/C cho Ngân hàng.

b) L/C được phát hành dựa trên cơ sở của hợp đồng thương mại đã ký giữa Khách hàng và người thụ hưởng L/C. Sau khi được phát hành, L/C hoàn toàn độc lập với hợp đồng thương mại. Ngân hàng chỉ làm việc trên bề mặt các chứng từ đã quy định trong L/C đã phát hành, không chịu trách nhiệm về sự khớp đúng giữa nội dung chứng từ và tình trạng thực tế của hàng hoá/dịch vụ mà chứng từ đề cập tới. Mọi tranh chấp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Khách hàng và người thụ hưởng L/C sẽ được giải quyết theo hợp đồng thương mại.

c) L/C được phát hành theo đề nghị của khách hàng và phù hợp với thông lệ quốc tế.

d) Khi có nhu cầu sửa đổi L/C, Khách hàng phải chuyển cho Ngân hàng Giấy đề nghị sửa đổi L/C và các tài liệu cần thiết cho mỗi lần sửa đổi. Phần chấp nhận của Ngân hàng trên Giấy đề nghị sửa đổi L/C là cơ sở ràng buộc trách nhiệm giữa Ngân hàng và Khách hàng và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức.

2. Nguyên tắc phát hành bảo lãnh:

a) Trong thời hạn của hạn mức tín dụng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Khách hàng có thể đề nghị Ngân hàng phát hành nhiều loại bảo lãnh và Cam kết bảo lãnh.

b) Khi có nhu cầu bảo lãnh, Khách hàng gửi đến Ngân hàng Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kèm hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, đồng thời cung cấp cho Ngân hàng các tài liệu cần thiết cho mỗi lần đề nghị bảo lãnh đó theo yêu cầu của Ngân hàng.

c) Ngân hàng phát hành Thư bảo lãnh, hoặc ký kết Hợp đồng bảo lãnh với Bên nhận bảo lãnh, hoặc xem xét, chấp thuận phát hành theo Phụ lục kèm theo Giấy đề nghị cấp bảo lãnh của từng lần cụ thể (nếu có) khi Khách hàng đã hoàn thành các điều kiện, thủ tục theo quy định của Ngân hàng.

d) Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kèm hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể đã có phần duyệt của Ngân hàng và Thư bảo lãnh/Hợp đồng bảo lãnh phát hành kèm theo là các bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức.

e) Khách hàng có nhu cầu gia hạn, sửa đổi Thư bảo lãnh/Hợp đồng bảo lãnh phải chuyển cho Ngân hàng Giấy đề nghị gia hạn, sửa đổi bảo lãnh theo Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kèm hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể của từng lần bảo lãnh. Phần chấp nhận của Ngân hàng trên Giấy đề nghị gia hạn/sửa đổi bảo lãnh của Khách hàng là cơ sở ràng buộc trách nhiệm giữa Ngân hàng và Khách hàng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Phương thức thực hiện nghĩa vụ theo L/C/Cam kết bảo lãnh đã phát hành:

a) Khi đến hạn thanh toán theo L/C, Khách hàng phải thanh toán ngay cho Người thụ hưởng.

b) Khi có văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Bên nhận bảo lãnh, Khách hàng phải trả ngay số tiền được bảo lãnh theo

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh. Ngân hàng không chịu trách nhiệm và không có nghĩa vụ phải xác minh các căn cứ và tài liệu chứng minh của Bên nhận bảo lãnh (nếu có). Việc phải trả ngay số tiền được bảo lãnh/L/C của Khách hàng là vô điều kiện. Tranh chấp giữa Khách hàng và Bên nhận bảo lãnh do các bên tự giải quyết.

c) Nếu Khách hàng không chủ động trả hoặc trả không đủ, Ngân hàng được quyền quyết định việc áp dụng độc lập hoặc kết hợp các biện pháp phong tỏa/tự động trích/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng (bao gồm các Chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng) để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh/L/C.

4. Nhận nợ và hoàn trả nợ đối với nghĩa vụ theo L/C/ngĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện:

a) Trong trường hợp Ngân hàng áp dụng các biện pháp quy định tại Khoản 3 Điều này mà vẫn không đủ tiền trả cho Người thụ hưởng L/C/Bên nhận bảo lãnh thì Ngân hàng sẽ trả nợ thay và tự động hạch toán chuyển thành nợ vay bắt buộc cho Khách hàng. Số tiền nhận nợ vay bắt buộc bao gồm toàn bộ số tiền bảo lãnh/L/C và các khoản lãi, tiền phạt phát sinh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

b) Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả ngay trong ngày số tiền mà Ngân hàng đã trả thay. Trường hợp Khách hàng không hoàn trả được ngay, Khách hàng phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thông báo của Ngân hàng đối với khoản nợ này cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

c) Sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Khách hàng, Ngân hàng được quyền áp dụng một, một số hoặc tất cả các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ gốc, lãi và các khoản chi phí liên quan.

d) Việc thực hiện nghĩa vụ L/C thay cho Khách hàng/thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng trong mọi trường hợp được xác định là có đầy đủ căn cứ pháp lý và Khách hàng phải có nghĩa vụ nhận nợ và hoàn trả số tiền như nêu trên.

5. Việc thu nợ bảo lãnh/L/C của Ngân hàng trong mọi trường hợp bao gồm nhưng không giới hạn (i) quyết định việc áp dụng độc lập hoặc kết hợp các biện pháp phong tỏa/tự động trích/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng mở tại Ngân hàng

hoặc các tổ chức tín dụng khác; (ii) xử lý tài sản bảo đảm (bao gồm cả số tiền ký quỹ); (iii) áp dụng các biện pháp khác để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

6. Các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh:

a) Nghĩa vụ của Khách hàng chấm dứt.

b) Nghĩa vụ bảo lãnh đã được thực hiện theo đúng cam kết bảo lãnh.

c) Việc bảo lãnh được hủy bỏ theo thỏa thuận của Ngân hàng và bên nhận bảo lãnh.

d) Cam kết bảo lãnh đã hết hiệu lực.

e) Bên nhận bảo lãnh miễn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Ngân hàng.

f) Theo thỏa thuận của các bên.

g) Hợp đồng có nghĩa vụ được bảo lãnh vô hiệu mà các bên chưa thực hiện hợp đồng đó.

h) Trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều kiện trước khi giải ngân, phát hành bảo lãnh và L/C.

1. Trước khi giải ngân, phát hành cam kết bảo lãnh, L/C, Khách hàng phải:

a) Cung cấp cho Ngân hàng đầy đủ các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn, hồ sơ và chứng từ phát hành thư bảo lãnh, LC hợp lệ theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng có sự chấp thuận khác.

b) Mục đích vay vốn, phát hành cam kết bảo lãnh, L/C theo đề nghị của Khách hàng, theo nhận định của Ngân hàng, là (i) hợp pháp, và (ii) không tồn tại, tiếp diễn nguy cơ rủi ro mất hoặc khó có khả năng thu hồi một phần hoặc toàn bộ tiền vay.

c) Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại bất kỳ sự kiện nào dẫn đến việc Ngân hàng chấm dứt cấp tín dụng.

d) Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại bất kỳ sự kiện biến động thị trường hoặc các yếu tố khác làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, khả năng cấp tín dụng, nguồn vốn, giới hạn cấp tín dụng của Ngân hàng.

e) Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại hoặc tiềm tàng tranh chấp trong nội bộ Khách hàng.

f) Khách hàng đồng ý với mức lãi suất của Ngân hàng hoặc các bên thỏa thuận được lãi suất tại thời điểm giải ngân.

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

g) Khách hàng đáp ứng và thực hiện đúng, đầy đủ các điều kiện cấp tín dụng được nêu trong Thông báo cấp tín dụng của Ngân hàng cho Khách hàng.

h) Các biện pháp bảo đảm đã được thực hiện hoàn tất theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng có sự chấp thuận khác.

i) Ngày giải ngân phải nằm trong thời hạn giải ngân, trừ trường hợp Ngân hàng có sự chấp thuận khác.

j) Việc giải ngân phù hợp với lịch giải ngân dự kiến do Khách hàng thông báo và được Ngân hàng chấp thuận trong trường hợp Ngân hàng yêu cầu Khách hàng phải thông báo trước lịch giải ngân cho Ngân hàng.

k) Nếu giải ngân bằng ngoại tệ thì Khách hàng phải đáp ứng tất cả các yêu cầu theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối. Tỷ giá quy đổi từ loại tiền cấp tín dụng về loại tiền giải ngân do Ngân hàng quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định về quản lý tỷ giá của pháp luật.

l) Nếu việc giải ngân bằng tiền mặt thì Khách hàng phải đáp ứng tất cả các quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi được Ngân hàng giải ngân bằng tiền mặt.

m) Thực hiện tất cả các yêu cầu, điều kiện tiền quyết khác theo thỏa thuận với Ngân hàng.

2. Khách hàng được rút vốn vay nhiều lần trong suốt thời hạn được Ngân hàng cấp hạn mức. Mỗi lần rút vốn vay, Khách hàng và Ngân hàng sẽ ký Giấy đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng cụ thể. Ngân hàng sẽ từ chối ký Hợp đồng tín dụng cụ thể khi Khách hàng không đảm bảo được các điều kiện để cho vay theo quy định của Ngân hàng và pháp luật.

3. Đối với các L/C/bảo lãnh thanh toán đã mở theo Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể mà thời hạn rút vốn của Hợp đồng tín dụng hạn mức đã hết, Khách hàng vẫn có quyền được rút vốn vay để thanh toán L/C/bảo lãnh thanh toán và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể.

4. Tổng dư nợ tối đa trong các lần rút vốn vay không được vượt quá hạn mức cho vay (nếu có)/hạn mức tín dụng Ngân hàng đã cấp cho khách hàng.

Điều 4. Trả nợ gốc, lãi:

1. Lịch trả nợ:

a) Kế hoạch trả nợ và thời điểm tính lãi của từng khoản nợ được xác định tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể.

b) Phương thức tính lãi tiền vay (áp dụng cho cả việc tính lãi quá hạn): Tiền lãi được tính trên số dư nợ vay nhân (x) với số ngày duy trì nợ vay thực tế nhân (x) với lãi suất năm chia (:)
365.

2. Phương thức trả nợ:

a) Khi bất cứ một món nợ nào (gốc, lãi, phí) đến hạn, Khách hàng chủ động trả nợ cho Ngân hàng hoặc Ngân hàng được quyền quyết định việc áp dụng độc lập hoặc kết hợp các biện pháp phong tỏa/tự động trích/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng (bao gồm các Chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng) để thu nợ.

b) Trường hợp Khách hàng có tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng khác thì Ngân hàng được quyền đề nghị phong tỏa và băng Hợp đồng này, Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được lập ủy nhiệm thu để đề nghị phong tỏa/trích/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại các tổ chức tín dụng đó để thu nợ. Sau khi thực hiện, Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng biết.

3. Khi có nguyên nhân khách quan không thanh toán được đầy đủ, đúng hạn nợ vay, Khách hàng có thể đề nghị bằng văn bản (theo mẫu của Ngân hàng) để Ngân hàng xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Văn bản đề nghị của Khách hàng phải gửi cho Ngân hàng tối thiểu 05 ngày trước ngày đến hạn trả nợ.

4. Trường hợp Khách hàng không thanh toán đúng hạn nợ gốc và không được Ngân hàng gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc thời gian gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đã kết thúc thì Ngân hàng được quyền chuyển số dư nợ gốc đó sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn quy định tại Khoản 6 Điều này kể từ thời điểm dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn.

5. Trường hợp Ngân hàng chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn theo Khoản 4 Điều 9 và thông báo cho Khách hàng theo Khoản 5 Điều 9 của bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này, Ngân hàng có quyền chuyển toàn

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

bộ số dư nợ gốc còn lại mà khách hàng không trả được nợ trước hạn sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn quy định tại Khoản 6 Điều này kể từ thời điểm dư nợ gốc bị chuyển quá hạn.

6. Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 trên đây, Khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn đã được điều chỉnh.

Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng với các nội dung gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn và Thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng hạn mức.

7. Đối với tiền lãi không trả đúng hạn, Khách hàng phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 0%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

8. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi vào ngày Ngân hàng không làm việc, thì ngày đến hạn sẽ là ngày làm việc liền sau đó.

9. Trả nợ trước hạn:

a) Ngân hàng có thể xem xét chấp thuận việc trả nợ trước hạn nếu Khách hàng có đề nghị bằng văn bản/mail/fax (theo thông tin kê khai tại Hợp đồng này) và được Ngân hàng chấp thuận. Đối với phương thức mail/fax, Khách hàng phải có trách nhiệm thông báo cho Ngân hàng ngay khi có thay đổi (bằng văn bản/mail/fax đã đăng ký).

Các Bên thống nhất rằng việc gửi theo phương thức mail/fax được xem là hoàn thành khi hệ thống/thiết bị từ phía Ngân hàng báo đã nhận thành công.

Trường hợp được Ngân hàng chấp thuận, Khách hàng phải chịu phí trả nợ trước hạn. Phí trả nợ trước hạn theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng tín dụng cụ thể hoặc Biểu phí của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

b) Ngân hàng có quyền chủ động thu nợ trước hạn trong trường hợp (i) phát sinh Sự kiện vi phạm theo quy định tại Hợp đồng này; hoặc (ii) theo yêu cầu của Ngân hàng để quản

lý dòng tiền của dự án/phương án sử dụng vốn của Khách hàng. Trường hợp này, Ngân hàng không thu phí thu nợ trước hạn.

10. Nghĩa vụ thuế:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, nếu phát sinh nghĩa vụ nộp thuế của Khách hàng theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì thực hiện như sau:

a) Số tiền Khách hàng trả nợ gốc, lãi tiền vay và phí (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể không bị khấu trừ hoặc giữ lại để nộp bất kỳ khoản thuế, lệ phí hoặc khoản thu nào.

b) Khách hàng trả nợ gốc, lãi tiền vay theo quy định tại Hợp đồng tín dụng trước khi Khách hàng thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

Điều 5. Lãi suất và phí

1. Lãi suất:

a) Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

b) Trường hợp theo đề nghị của Khách hàng, Ngân hàng chấp thuận cho Khách hàng điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ, Ngân hàng có quyền điều chỉnh mức lãi suất, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ.

c) Ngân hàng được điều chỉnh lãi suất đột xuất do yêu cầu biến động lãi suất phù hợp với cơ chế điều hành lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngân hàng được quyền áp dụng điều khoản trên khi lãi suất cơ sở (LSCS) xác định lãi suất cho vay đang áp dụng cho khách hàng tại hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận/thông báo lãi suất khoản vay gần nhất đang áp dụng với Khách hàng có chênh lệch từ 15% trở lên so với mức LSCS Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cho vay.

2. Khi điều chỉnh lãi suất theo quy định tại Hợp đồng này:

a) Trường hợp điều chỉnh lãi suất đột xuất theo điểm b, c khoản 1 Điều này: Ngân hàng sẽ thông báo bằng văn bản/mail/fax cho Khách

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

hàng.

Đối với phương thức mail/fax, Ngân hàng thông báo đến địa chỉ mail/fax theo thông tin kê khai tại Hợp đồng này. Khách hàng phải có trách nhiệm thông báo cho Ngân hàng ngay khi có thay đổi (bằng văn bản/mail/fax đã kê khai/dăng ký).

Các Bên thống nhất rằng việc gửi theo phương thức mail/fax được xem là hoàn thành khi hệ thống/thiết bị từ phía Ngân hàng báo đã gửi thành công.

b) Trường hợp điều chỉnh lãi suất định kỳ theo công thức/phương thức đã được xác định tại Hợp đồng này, các Hợp đồng tín dụng cụ thể: Khách hàng đồng ý rằng Ngân hàng không phải thông báo cho Khách hàng. Khách hàng có trách nhiệm chủ động theo dõi, cập nhật thông tin về lãi suất cơ sở được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

2. Phí:

a) Phí liên quan đến tiền vay: được áp dụng cho từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và mức thu phí theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

b) Phí liên quan đến L/C:

Mức phí phát hành sẽ được Ngân hàng xác định cụ thể cho từng Đề nghị phát hành thư tín dụng tại thời điểm Khách hàng đề nghị phát hành L/C. Số tiền phí phát hành L/C đã thu không được Ngân hàng trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

c) Phí phát hành bảo lãnh:

- Phí bảo lãnh: Mức phí bảo lãnh sẽ được Ngân hàng xác định cụ thể cho từng Cam kết bảo lãnh tại thời điểm Khách hàng đề nghị phát hành Cam kết bảo lãnh tại Giấy đề nghị bảo lãnh từng lần/cụ thể theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức. Số tiền phí bảo lãnh đã thu không được Ngân hàng trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

- Phí bảo lãnh được tính trên số tiền bảo lãnh nhân (x) với số ngày bảo lãnh thực tế nhân (x) với mức phí bảo lãnh theo năm chia (:) cho 365 nhưng mức phí bảo lãnh tối thiểu cho mỗi lần bảo lãnh không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

d) Đến ngày trả phí, Khách hàng chủ động trả phí cho Ngân hàng, nếu hết hạn mà

Khách hàng không trả hoặc trả không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được thực hiện các biện pháp thu phí như quy định tại Khoản 2 Điều 4 bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này.

e) Trường hợp phí bảo lãnh được thanh toán nhiều lần và Ngân hàng đã thực hiện các biện pháp quy định tại Điểm c Khoản này để thu phí nhưng vẫn không thu được thì Ngân hàng có quyền áp dụng mức lãi suất chậm trả bằng theo quy định tại Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể áp dụng tại thời điểm thanh toán phí bảo lãnh (theo thông báo của Ngân hàng) tính trên số phí bảo lãnh chưa thanh toán và số ngày chậm trả.

f) Trường hợp có phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến khoản vay, Khách hàng đồng ý trả ngay cho Ngân hàng các loại phí phát sinh theo biểu phí do Ngân hàng công bố tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng hạn mức. Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và từng thời điểm theo thông báo của Ngân hàng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

g) Khách hàng đồng ý trả các khoản phí, lệ phí để thực hiện các thủ tục công chứng/chứng thực/xác nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm, định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm và các loại phí, lệ phí khác (nếu có) phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai liên quan đến việc cho vay theo Hợp đồng tín dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp Ngân hàng trả thay cho Khách hàng các khoản phí, lệ phí này thì Khách hàng phải hoàn trả lại Ngân hàng số tiền Ngân hàng đã trả thay cho Khách hàng trong thời hạn phù hợp do Ngân hàng yêu cầu.

Điều 6. Thứ tự ưu tiên thanh toán

1. Thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) khi khoản nợ của Khách hàng trong hạn như sau: [(i) nợ lãi trong hạn; (ii) nợ gốc đến hạn⁽¹⁾; (iii) các loại phí; (iv) các nghĩa vụ tài chính khác].

2. Thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) khi khoản nợ của Khách hàng quá hạn được thực hiện theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.

¹ Nợ gốc đến hạn là nợ gốc đến hạn trả nợ theo lịch trả nợ đã được thỏa thuận hoặc khoản nợ không trả được trước hạn khi chấm dứt Hợp đồng tín dụng

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

Tại thời điểm ký Hợp đồng này, thứ tự áp dụng như sau: (i) nợ gốc quá hạn²; (ii) nợ lãi quá hạn; (iii) nợ gốc đến hạn; (iv) nợ lãi trong hạn; (v) các loại phí; (vi) các nghĩa vụ tài chính khác.

Trường hợp pháp luật có thay đổi, Ngân hàng sẽ có văn bản thông báo đến Khách hàng.

Điều 7. Đồng tiền sử dụng trong quan hệ tín dụng

1. Khách hàng nhận nợ bằng loại tiền tệ nào thì trả nợ gốc, lãi bằng loại tiền tệ đó. Đồng tiền trả phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể là đồng Việt Nam.

2. Trường hợp cho vay bằng ngoại tệ, Khách hàng phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng ngoại tệ theo đúng quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp Ngân hàng chủ động trích tiền (ghi nợ)/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi mà đồng tiền trong tài khoản tiền gửi khác với đồng tiền Khách hàng phải trả theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể thì Ngân hàng được quyền quy đổi số tiền đó theo tỷ giá do Ngân hàng quyết định tại thời điểm quy đổi và trừ phí quy đổi tiền tệ theo quy định của Ngân hàng.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

1. Được yêu cầu Ngân hàng giải ngân vốn vay, phát hành Cam kết bảo lãnh, phát hành L/C với tổng dư nợ tối đa theo hạn mức quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Ngân hàng và quy định tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này.

2. Kiểm tra tính xác thực của Cam kết bảo lãnh do Ngân hàng phát hành.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả; báo cáo và cung cấp các chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay, các chứng từ, tài liệu làm căn cứ để phát hành Cam kết bảo lãnh, L/C và chịu trách nhiệm về tính hợp

pháp của các chứng từ này.

4. Theo yêu cầu của Ngân hàng:

a) Cung cấp cho Ngân hàng các thông tin, tài liệu liên quan đến khoản cấp tín dụng, tình hình hoạt động của Khách hàng và bảo đảm tính trung thực, chính xác của các thông tin, tài liệu này;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng kiểm tra, giám sát quá trình cấp tín dụng, sử dụng khoản cấp tín dụng, tài sản hình thành từ khoản cấp tín dụng.

5. Cam kết sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng.

6. Chấp thuận cho Ngân hàng được lưu trữ và sử dụng các thông tin về Khách hàng và khoản vay tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và các văn bản, tài liệu khác có liên quan để sử dụng vào các mục đích mà Ngân hàng cho là phù hợp và cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn việc cung cấp thông tin tín dụng, các công ty con/công ty liên kết của Ngân hàng và cam kết không có khiếu nại, khiếu kiện về việc sử dụng thông tin này của Ngân hàng.

7. Khách hàng phải thông báo bằng văn bản trước/kip thời cho Ngân hàng về các thay đổi sau:

a) Những thay đổi ảnh hưởng hoặc đe dọa đến giá trị, tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, tài sản đầu tư bằng vốn vay.

b) Những thay đổi về vốn, tài sản ảnh hưởng đến khả năng tài chính của Khách hàng và những thay đổi khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi vay cho Ngân hàng.

c) Đổi tên, thay địa chỉ trụ sở chính của Khách hàng; thay đổi Chủ sở hữu của Khách hàng, người đại diện theo pháp luật của Khách hàng.

d) Khách hàng có chủ trương/chuẩn bị thực hiện thay đổi hình thức sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, cổ phần hóa, chuyển quyền sở hữu, ngừng hoạt động, giải thể... hoặc những thay đổi có tính chất tương tự (riêng đối với trường hợp này, Khách hàng phải thông báo và được Ngân hàng chấp thuận).

² Nợ gốc quá hạn là nợ gốc của kỳ hạn không trả nợ đúng hạn và không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

e) Bất kỳ thay đổi nào về tình trạng pháp lý của Khách hàng, Bên bảo đảm.

f) Có những tranh chấp trong nội bộ Khách hàng có liên quan đến khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng.

** Riêng đối với những thay đổi tại các trường hợp (a), (b), (d), (e), Khách hàng phải thông báo và được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản.*

8. Trong trường hợp không trả được nợ, Khách hàng phải thực hiện các nghĩa vụ theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo đảm liên quan đến Hợp đồng tín dụng hạn mức. Khách hàng có nghĩa vụ sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để trả nợ cho Ngân hàng, không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã, đang hay chưa xử lý biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm.

9. Trước khi thay đổi hình thức sở hữu, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, Khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng hoặc phải thông báo trước cho Ngân hàng và được Ngân hàng chấp thuận.

10. Trong thời gian Khách hàng chưa trả hết nợ gốc và lãi vay, Khách hàng chỉ được nhượng bán tài sản đầu tư bằng vốn vay sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng (trừ trường hợp tài sản là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh) và với điều kiện toàn bộ tiền thu được phải chuyển hết vào tài khoản tiền gửi mở tại Ngân hàng để hoàn trả nợ gốc và lãi vay (nội dung này phải được quy định rõ trong hợp đồng mua bán tài sản). Nếu không đủ, Khách hàng phải dùng các nguồn khác để trả nợ gốc và lãi vay Ngân hàng.

11. Bảo hiểm:

a) Đối với những khoản vay bắt buộc mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật, Khách hàng cam kết mua bảo hiểm theo đúng quy định. Số tiền bảo hiểm trong trường hợp phát sinh rủi ro sẽ được chuyển thẳng vào tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng và Ngân hàng được toàn quyền quyết định việc sử dụng số tiền bảo hiểm này, kể cả việc giữ lại trên tài khoản để dùng vào mục đích trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể.

b) Khách hàng ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho Ngân hàng nộp Đơn đề nghị thanh toán tiền bảo hiểm khi xảy ra sự

kiện bảo hiểm mà vì bất kỳ lý do nào đó Khách hàng đã không hoặc không thể thực hiện được quyền yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm;

c) Khách hàng ưu tiên mua bảo hiểm tại Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) trong suốt thời gian vay vốn.

d) Trong bất kỳ trường hợp nào, nếu Khách hàng không thanh toán kịp thời phí bảo hiểm, Ngân hàng được quyền chủ động quyết định việc áp dụng độc lập hoặc kết hợp các biện pháp phong tỏa/tự động trích/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng để thanh toán tiền phí bảo hiểm. Trường hợp số dư tài khoản tiền gửi của Khách hàng không có đủ để thanh toán phí bảo hiểm, Ngân hàng có quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) thực hiện cho vay bắt buộc để thanh toán tiền phí bảo hiểm với số tiền cho vay bằng chênh lệch giữa số tiền phí bảo hiểm theo lịch thanh toán phí bảo hiểm trừ đi số dư có trên tài khoản tiền gửi của Khách hàng. Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ số tiền vay trong thời gian sớm nhất cộng với lãi suất cho vay đối với số tiền cho vay bắt buộc đó.

13. Trong trường hợp Khách hàng vi phạm các điều khoản tại Hợp đồng này, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, Khách hàng phải thanh toán toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi trả cho việc thực hiện các biện pháp thu hồi nợ.

14. Khách hàng thế chấp hàng tồn kho, khoản phải thu hình thành từ nguồn cấp tín dụng của BIDV ĐBSCL làm TSBĐ bổ sung. Khách hàng không cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ nguồn cấp tín dụng của BIDV ĐBSCL tại các Tổ chức tín dụng và bên thứ ba khác.

15. Khách hàng chuyển doanh thu từ hoạt động kinh doanh về tài khoản mở tại BIDV ĐBSCL tối thiểu tương ứng với tỷ lệ cấp tín dụng của BIDV ĐBSCL so với các TCTD khác nhưng không thấp hơn 120% doanh số cấp tín dụng của BIDV ĐBSCL, đồng thời ưu tiên sử dụng các dịch vụ ngân hàng tại BIDV ĐBSCL.

16. Các điều kiện tín dụng khác, Khách hàng thực hiện theo thông báo số 729/TB-BIDV.ĐBSCL ngày 25/6/2024 của Ngân hàng về việc cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2024 – 2025 đối với Khách hàng.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

1. Yêu cầu Khách hàng cung cấp toàn bộ các báo cáo về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh và thông tin cần thiết liên quan đến vốn vay.

2. Ngân hàng có quyền từ chối cho vay, phát hành Cam kết bảo lãnh, L/C nếu Khách hàng không đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện theo quy định của Ngân hàng.

3. Kiểm tra trước, trong, sau khi cho vay vốn và quá trình thu nợ, thu lãi đến khi Khách hàng trả hết nợ vay.

4. Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản cấp tín dụng chưa thanh toán, chuyển toàn bộ khoản vay của Khách hàng sang nợ quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm/biện pháp bảo đảm của Khách hàng/Bên bảo đảm trong các trường hợp xảy ra một trong các sự kiện Sự kiện vi phạm theo quy định tại Điều 10 của bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này.

5. Khi thực hiện chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn theo Khoản 4 Điều này, Ngân hàng sẽ thông báo cụ thể cho khách hàng. Nội dung thông báo sẽ bao gồm thời điểm chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ vay trước hạn; số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn phải trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

6. Từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi Cam kết bảo lãnh hết hiệu lực hoặc hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh không đáp ứng đủ các điều kiện quy định trong Cam kết bảo lãnh, hoặc có bằng chứng chứng minh chứng từ xuất trình là giả mạo.

7. Xem xét chấp thuận việc trả nợ trước hạn.

8. Được lưu trữ và sử dụng các thông tin về Khách hàng và khoản vay tại Hợp đồng tín dụng và các văn bản, tài liệu khác có liên quan để sử dụng vào các mục đích mà Ngân hàng cho là cần thiết, phù hợp và không trái quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn việc cung cấp thông tin cho các tổ chức cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng, các công ty con/công ty liên kết của Ngân hàng và cam kết không có khiếu nại, khiếu kiện về việc sử dụng thông tin này của Ngân hàng.

9. Chuyển nhượng: (i) quyền và nghĩa vụ

phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể cho các chủ thể khác (bán nợ) theo quy định về mua bán nợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, (ii) quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Cam kết bảo lãnh; và thông báo cho Khách hàng.

10. Yêu cầu Khách hàng bổ sung các tài sản bảo đảm trong trường hợp Khách hàng không đáp ứng được chính sách tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng, hoặc không còn đáp ứng được các điều kiện tại thời điểm phê duyệt cấp tín dụng.

11. Ngân hàng có quyền bù trừ các nghĩa vụ của Khách hàng đối với Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc các văn kiện tín dụng, văn kiện bảo đảm được xác lập với Ngân hàng thông qua phương thức: (i) quyết định việc áp dụng độc lập hoặc kết hợp các biện pháp phong tỏa/tự động trích/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng mở tại các Chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng; và/hoặc (ii) chủ động đối trừ bất kỳ nghĩa vụ nào khác của Khách hàng tại Ngân hàng. Ngân hàng không phải thông báo cho Khách hàng, bên thứ ba trước khi thực hiện bù trừ các nghĩa vụ được Ngân hàng xác định là nghĩa vụ nợ phải trả của Khách hàng.

12. Ngân hàng được quyền kiểm tra thực tế hàng tồn kho, vật tư hình thành từ vốn vay đảm bảo tại mọi thời điểm toàn bộ dư nợ vay của Khách hàng tại Ngân hàng có đủ vật tư, hàng hóa bảo đảm nợ vay.

13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thông báo số 729/TB-BIDV.DBSC.L ngày 25/6/2024 của Ngân hàng về việc cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2024 – 2025 đối với Khách hàng, theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Sự kiện vi phạm

1. Khách hàng được coi là vi phạm Hợp đồng tín dụng trong các trường hợp sau:

a) Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí phát sinh, bất kỳ khoản cấp tín dụng, các cam đoan và bảo đảm, các điều kiện tiên quyết trước khi giải ngân và các nghĩa vụ khác phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng bảo lãnh cụ thể cũng như các văn bản, thỏa thuận ký kết với Ngân hàng, vi phạm Quy chế cho vay, Quy chế bảo lãnh của Ngân hàng Nhà Nước, các quy định của pháp luật;

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

b) Khách hàng không thông báo cho Ngân hàng về các thay đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 8;

c) Sự kiện biến động thị trường hoặc các yếu tố khác, theo nhận định của Ngân hàng, làm ảnh hưởng tiêu cực hoặc tác động bất lợi đến hiệu quả của phương án sử dụng vốn, tình hình tài chính, tình hình sản xuất, kinh doanh của Khách hàng;

d) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm Hợp đồng bảo đảm, bất kỳ thỏa thuận, cam kết nào về bảo đảm nghĩa vụ với Ngân hàng;

e) Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ duy trì số dư tiền gửi, doanh số thanh toán qua tài khoản thanh toán của Khách hàng tại Ngân hàng trong trường hợp các bên có thỏa thuận;

f) Việc duy trì khoản vay, theo nhận định của Ngân hàng, dẫn đến Ngân hàng vi phạm các quy định pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

g) Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào;

h) Bên bảo đảm vi phạm pháp luật trong việc tạo lập, quản lý, sử dụng tài sản bảo đảm mà việc vi phạm này, theo đánh giá của Ngân hàng, sẽ ảnh hưởng xấu đến hoặc tạo ra sự cản trở đối với việc xử lý tài sản bảo đảm hoặc vi phạm này có thể dẫn đến Nhà nước tịch thu, thu hồi tài sản bảo đảm;

i) Những thay đổi khác về tài sản bảo đảm dẫn đến nguy cơ không xử lý, quản lý được tài sản bảo đảm theo nhận định của Ngân hàng;

j) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của Ngân hàng là có ảnh hưởng tiêu cực hoặc tác động bất lợi đến tài sản, nguồn tiền của Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm;

k) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm cung cấp thông tin sai sự thật trước hoặc sau khi được cấp tín dụng;

l) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm (nếu có) là cá nhân chết mà không có người thừa kế được Ngân hàng chấp thuận hoặc là tổ chức bị giải thể, phá sản, chấm dứt, tạm ngừng hoạt động.

m) Khách hàng (bao gồm cả chủ sở hữu/người quản lý/người điều hành/người đại diện theo pháp luật của khách hàng) và/hoặc Bên bảo đảm xảy ra sự kiện: Bị mất năng lực hành vi dân sự/bị hạn chế năng lực hành vi dân sự/có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi (nếu là cá nhân) hoặc bị khởi tố/điều tra/truy tố/xét xử về hình sự/chịu trách nhiệm hình sự/bị áp dụng hình phạt về hình sự.

n) Khách hàng, Bên bảo đảm có một hoặc một số khoản cấp tín dụng chuyển sang nợ quá hạn và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ theo nhận định của Ngân hàng;

o) Các nguy cơ khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn Khách hàng bị phạt hoặc bị liên đới đến các trách nhiệm pháp lý mà có nguy cơ phải bồi thường tài chính hoặc nộp phạt trị giá từ năm phần trăm (5%) vốn chủ sở hữu trở lên.

p) Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh từ các Hợp đồng bảo đảm tiền vay bảo đảm cho khoản vay/cam kết bảo lãnh.

s) Một trong những chủ thể trong nhóm khách hàng liên quan của Khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Người có liên quan theo thỏa thuận của các bên bao gồm:

- Doanh nghiệp là công ty mẹ và/hoặc công ty con của Khách hàng;

- Doanh nghiệp có cùng công ty mẹ với Khách hàng;

- Doanh nghiệp mà Khách hàng (a) sở hữu từ 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông/vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; và/hoặc (b) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó; và/hoặc (c) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.

- Tổ chức hoặc cá nhân (a) sở hữu từ 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông/vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Khách hàng; và/hoặc (b) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác, thành viên Ban kiểm soát của Khách hàng; và/hoặc (c) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Khách hàng.

t) Khách hàng:

- Vi phạm nghĩa vụ đối với bất kỳ khoản cấp tín dụng nào (dù đến hạn thanh toán hoặc phải thanh toán trước hạn do sự kiện vi phạm nghĩa vụ của khách hàng) tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào;

- Bị xếp nợ cần chú ý trở lên tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào theo kết quả tra cứu thông tin tín dụng của Khách hàng trên hệ thống CIC.

u) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và Hợp đồng bảo đảm.

2. Khi phát sinh bất kỳ một sự kiện vi phạm nào, Ngân hàng được quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục trong một thời gian hợp lý do Ngân hàng quyết định. Trường hợp Khách hàng không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ, Ngân hàng có quyền dừng giải ngân vốn vay/cấp tín dụng mới và thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn: tạm khóa và/hoặc ghi nợ bất kỳ tài khoản nào của Khách hàng để thu nợ trước hạn hoặc đến hạn; khởi kiện, phát mại tài sản của Khách hàng đang ký quỹ, cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng, đình chỉ cho vay và thu hồi nợ trước hạn.

Điều 11. Phạt vi phạm

Trường hợp Khách hàng không thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, Cam kết phát hành L/C, Hợp đồng tín dụng L/C cũng như các sửa đổi, bổ sung, thay thế khác. Khách hàng phải chịu phạt vi phạm với mức phạt tương ứng 5% phần giá trị nghĩa vụ vi phạm. Điều khoản phạt vi phạm không áp dụng đối với trường hợp Khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc/lãi vốn vay.

Điều 12. Điều khoản chung

1. Khách hàng cam kết đã hoàn tất các thủ tục cần thiết trong nội bộ công ty để được ký Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín

dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và các văn bản, tài liệu có liên quan.

2. Thông báo: Mọi thông báo và thư từ giao dịch giữa hai bên được gửi theo địa chỉ nêu tại Phần đầu của Hợp đồng tín dụng này (trừ trường hợp đã có thông báo thay đổi địa chỉ khác bằng văn bản) và được lập thành văn bản và có chữ ký của người có thẩm quyền; nếu được chuyển bằng bưu điện thì ngày gửi đi được coi là ngày theo dấu xác nhận của bưu điện cơ sở nơi chuyển.

3. Khách hàng sẽ có mặt tại địa chỉ nêu tại phần các bên tham gia Hợp đồng tín dụng hạn mức hoặc địa chỉ khác được thông báo cho Ngân hàng để nhận các thông tin thực hiện và giải quyết tranh chấp Hợp đồng. Trường hợp Khách hàng không có mặt tại địa chỉ này liên tục ba mươi (30) ngày và không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng thì Khách hàng được coi là giấu địa chỉ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ thực hiện (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ) Hợp đồng. Khi đó, Ngân hàng được quyền khởi kiện và đề nghị Tòa án thụ lý vụ án theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt Khách hàng mà không cần tiến hành bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác.



PHIẾU ĐỐI CHIẾU TÀI KHOẢN

Kính gửi Quý khách hàng: CTY CP XNK THUY SAN CAN THO

Mã số khách hàng (Số CIF):5398470

Số ID (CMND/CCCD/HC/ĐKKD): 1800632306

Địa chỉ: LO 2-12, KHU CONG NGHIEP TRA NOC 2 QUAN O MON QUAN O MON,CAN THO

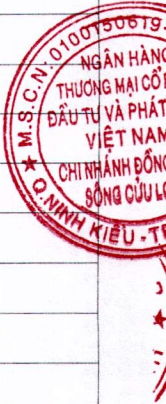
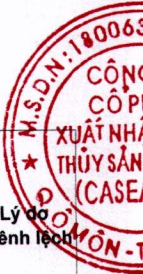
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), NHTMCP DT&PTVN-CN DONG BANG SONG CUULONG trân trọng thông báo số dư các tài khoản sau của Quý khách hàng tại BIDV đến thời điểm ngày 31/12/2024 như sau.

Mã số khách hàng: 5398470

CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực/ Đăng ký kinh doanh: 1800632306

Tên tài khoản: CTY CP XNK THUY SAN CAN THO

STT	Số tài khoản	Seri ấn chỉ của thẻ tiết kiệm, Giấy tờ có giá	Loại tiền	Số dư gốc tại ngân hàng	Số tiền phong tỏa	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Ngày mở	Ngày đáo hạn	Số dư tại đơn vị	Lý do chênh lệch
I. Tài khoản tiền vay											
1	400001957833		USD	220.000,00	0,00	163D	4.6	04/09/2024	14/02/2025		
2	400002143393		USD	100.000,00	0,00	165D	4.6	10/10/2024	24/03/2025		
3	401002027863		USD	225.000,00	0,00	163D	4.6	18/09/2024	28/02/2025		
4	401002308892		USD	115.000,00	0,00	164D	4.6	12/11/2024	25/04/2025		
5	402001876642		USD	395.000,00	0,00	161D	4.6	16/08/2024	24/01/2025		
6	402001898087		USD	205.000,00	0,00	156D	4.6	21/08/2024	24/01/2025		
7	402001951231		USD	90.000,00	0,00	165D	4.6	30/08/2024	11/02/2025		
8	402002107270		USD	125.000,00	0,00	165D	4.6	03/10/2024	17/03/2025		
9	402002286946		USD	100.000,00	0,00	165D	4.6	07/11/2024	21/04/2025		
10	402002354660		USD	190.000,00	0,00	163D	4.6	20/11/2024	05/05/2025		
11	402002550388		USD	215.000,00	0,00	165D	4.4	27/12/2024	10/06/2025		
12	403002101102		USD	125.000,00	0,00	163D	4.6	02/10/2024	14/03/2025		
13	403002179549		USD	195.000,00	0,00	162D	4.6	17/10/2024	28/03/2025		
14	403002406619		USD	255.000,00	0,00	165D	4.6	29/11/2024	13/05/2025		
15	405002173104		USD	110.000,00	0,00	163D	4.6	16/10/2024	28/03/2025		
16	405002201847		USD	140.000,00	0,00	164D	4.6	22/10/2024	04/04/2025		
17	407002137054		USD	190.000,00	0,00	163D	4.6	09/10/2024	21/03/2025		
18	408001927305		USD	265.000,00	0,00	164D	4.6	27/08/2024	07/02/2025		
19	408002230278		USD	110.000,00	0,00	165D	4.6	28/10/2024	11/04/2025		
20	408002333123		USD	335.000,00	0,00	165D	4.6	15/11/2024	29/04/2025		
21	408002455611		USD	110.000,00	0,00	164D	4.6	10/12/2024	23/05/2025		
22	408002529091		USD	230.000,00	0,00	164D	4.4	24/12/2024	06/06/2025		
23	409002419861		USD	150.000,00	0,00	164D	4.6	03/12/2024	16/05/2025		
24	409002491613		USD	275.000,00	0,00	164D	4.4	17/12/2024	30/05/2025		
25	400001841415		VND	2.650.000.000,00	0,00	165D	6.6	09/08/2024	21/01/2025		
26	400001964429		VND	1.060.000.000,00	0,00	165D	6.6	05/09/2024	17/02/2025		
27	400001999934		VND	2.900.000.000,00	0,00	165D	6.6	12/09/2024	24/02/2025		
28	400002049694		VND	3.150.000.000,00	0,00	165D	6.6	23/09/2024	07/03/2025		



ĐK

STT	Số tài khoản	Seri ấn chỉ của thẻ tiết kiệm, Giấy tờ có giá	Loại tiền	Số dư gốc tại ngân hàng	Số tiền phong tỏa	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Ngày mở	Ngày đáo hạn	Số dư tại đơn vị	Lý do chênh lệch
29	400002383881		VND	4.180.000.000,00	0,00	164D	6.6	26/11/2024	09/05/2025		
30	400002390889		VND	4.900.000.000,00	0,00	163D	6.6	27/11/2024	09/05/2025		
31	401001809659		VND	980.000.000,00	0,00	165D	6.6	02/08/2024	14/01/2025		
32	401001869911		VND	2.700.000.000,00	0,00	162D	6.6	15/08/2024	24/01/2025		
33	401001884141		VND	6.450.000.000,00	0,00	158D	6.6	19/08/2024	24/01/2025		
34	401002397998		VND	4.100.000.000,00	0,00	165D	6.6	28/11/2024	12/05/2025		
35	401002561248		VND	6.650.000.000,00	0,00	164D	6.6	31/12/2024	13/06/2025		
36	402001849469		VND	3.350.000.000,00	0,00	165D	6.6	12/08/2024	24/01/2025		
37	402001891267		VND	3.600.000.000,00	0,00	157D	6.6	20/08/2024	24/01/2025		
38	402001972689		VND	500.000.000,00	0,00	165D	6.6	06/09/2024	18/02/2025		
39	402002079843		VND	4.050.000.000,00	0,00	165D	6.6	27/09/2024	11/03/2025		
40	402002252274		VND	1.050.000.000,00	0,00	165D	6.6	31/10/2024	14/04/2025		
41	402002441027		VND	4.850.000.000,00	0,00	165D	6.6	06/12/2024	20/05/2025		
42	402002462420		VND	3.200.000.000,00	0,00	163D	6.6	11/12/2024	23/05/2025		
43	402002536526		VND	4.750.000.000,00	0,00	163D	6.6	25/12/2024	06/06/2025		
44	403001833327		VND	2.000.000.000,00	0,00	165D	6.6	08/08/2024	20/01/2025		
45	403002042673		VND	3.900.000.000,00	0,00	165D	6.6	20/09/2024	04/03/2025		
46	403002324235		VND	2.600.000.000,00	0,00	165D	6.6	14/11/2024	28/04/2025		
47	403002340594		VND	3.350.000.000,00	0,00	165D	6.6	18/11/2024	05/05/2025		
48	403002484171		VND	750.000.000,00	0,00	165D	6.6	16/12/2024	30/05/2025		
49	403002505654		VND	3.570.000.000,00	0,00	165D	6.6	19/12/2024	02/06/2025		
50	404001855434		VND	1.750.000.000,00	0,00	164D	6.6	13/08/2024	24/01/2025		
51	404001859172		VND	1.500.000.000,00	0,00	163D	6.6	14/08/2024	24/01/2025		
52	404001934959		VND	3.200.000.000,00	0,00	163D	6.6	28/08/2024	07/02/2025		
53	404001941745		VND	2.000.000.000,00	0,00	165D	6.6	29/08/2024	10/02/2025		
54	404001978942		VND	3.150.000.000,00	0,00	165D	6.6	09/09/2024	21/02/2025		
55	404002035322		VND	1.050.000.000,00	0,00	165D	6.6	19/09/2024	03/03/2025		
56	404002129419		VND	1.800.000.000,00	0,00	164D	6.6	08/10/2024	21/03/2025		
57	404002272164		VND	2.400.000.000,00	0,00	164D	6.6	05/11/2024	18/04/2025		
58	404002369338		VND	3.700.000.000,00	0,00	165D	6.6	22/11/2024	06/05/2025		
59	404002433545		VND	3.380.000.000,00	0,00	165D	6.6	05/12/2024	19/05/2025		
60	404002514174		VND	3.900.000.000,00	0,00	165D	6.6	20/12/2024	03/06/2025		
61	405002316608		VND	1.770.000.000,00	0,00	163D	6.6	13/11/2024	25/04/2025		
62	405002558787		VND	4.600.000.000,00	0,00	165D	6.6	30/12/2024	13/06/2025		
63	406002157557		VND	4.400.000.000,00	0,00	165D	6.6	14/10/2024	28/03/2025		
64	406002245043		VND	4.950.000.000,00	0,00	163D	6.6	30/10/2024	11/04/2025		
65	406002521592		VND	7.200.000.000,00	0,00	165D	6.6	23/12/2024	06/06/2025		
66	407001828874		VND	3.650.000.000,00	0,00	163D	6.6	07/08/2024	17/01/2025		
67	407001993180		VND	3.100.000.000,00	0,00	163D	6.6	11/09/2024	21/02/2025		
68	407002013077		VND	1.700.000.000,00	0,00	165D	6.6	16/09/2024	28/02/2025		

STT	Số tài khoản	Seri ấn chỉ của thẻ tiết kiệm, Giấy tờ có giá	Loại tiền	Số dư gốc tại ngân hàng	Số tiền phong tỏa	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Ngày mở	Ngày đáo hạn	Số dư tại đơn vị	Lý do chênh lệch
69	407002114683		VND	1.750.000.000,00	0,00	165D	6.6	04/10/2024	18/03/2025		
70	407002122162		VND	1.050.000.000,00	0,00	165D	6.6	07/10/2024	21/03/2025		
71	407002237494		VND	2.200.000.000,00	0,00	164D	6.6	29/10/2024	11/04/2025		
72	407002294737		VND	2.900.000.000,00	0,00	165D	6.6	08/11/2024	22/04/2025		
73	407002347990		VND	3.850.000.000,00	0,00	164D	6.6	19/11/2024	05/05/2025		
74	408001822897		VND	1.650.000.000,00	0,00	164D	6.6	06/08/2024	17/01/2025		
75	408001912616		VND	700.000.000,00	0,00	165D	6.6	23/08/2024	04/02/2025		
76	408002088487		VND	2.000.000.000,00	0,00	165D	6.6	30/09/2024	14/03/2025		
77	408002150937		VND	3.700.000.000,00	0,00	165D	6.6	11/10/2024	25/03/2025		
78	408002186525		VND	1.950.000.000,00	0,00	165D	6.6	18/10/2024	01/04/2025		
79	408002258035		VND	1.350.000.000,00	0,00	165D	6.6	01/11/2024	15/04/2025		
80	408002376296		VND	4.000.000.000,00	0,00	165D	6.6	25/11/2024	09/05/2025		
81	408002412650		VND	2.500.000.000,00	0,00	165D	6.6	02/12/2024	16/05/2025		
82	408002426806		VND	4.090.000.000,00	0,00	163D	6.6	04/12/2024	16/05/2025		
83	408002448236		VND	2.250.000.000,00	0,00	165D	6.6	09/12/2024	23/05/2025		
84	409001816283		VND	3.650.000.000,00	0,00	165D	6.6	05/08/2024	17/01/2025		
85	409002028555		VND	1.850.000.000,00	0,00	163D	6.6	18/09/2024	28/02/2025		
86	409002064728		VND	3.800.000.000,00	0,00	163D	6.6	25/09/2024	07/03/2025		
87	409002215399		VND	850.000.000,00	0,00	162D	6.6	24/10/2024	04/04/2025		
88	409002278915		VND	3.150.000.000,00	0,00	163D	6.6	06/11/2024	18/04/2025		
89	409002361387		VND	2.150.000.000,00	0,00	165D	6.6	21/11/2024	05/05/2025		
90	409002469557		VND	5.170.000.000,00	0,00	165D	6.6	12/12/2024	26/05/2025		
Tổng			USD	4.470.000,00							
			VND	197.000.000.000,00							

Để đảm bảo tính chính xác, đề nghị Quý khách hàng đối chiếu xác nhận và gửi lại cho Ngân hàng chúng tôi 1 bản trước ngày 23/01/2025 theo địa chỉ: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – NHTMCP DT&PTVN-CN DONG BANG SONG CUULONG

Địa chỉ: NHTMCP DT&PTVN-CN DONG BANG SONG CUULONG

Số điện thoại:

Xác nhận của khách hàng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Võ Đông Đức

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
NHTMCP DT&PTVN-CN DONG BANG SONG CUULONG



TRẦN QUANG KHẢI